

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2018/DS-ST

Ngày: 28-9-2018

V/v tranh hợp đồng vay

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thiên

2. Ông Nguyễn Thanh Tú

Thư ký phiên tòa: Ông Cao Võ Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp không tham gia.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 69/2018/TLST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2018/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Kim N**, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Tổ 34, ấp MK, xã HT, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.
Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của bà N: Ông **Lê Văn T**, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Tổ 4, ấp MP, xã MH, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. (Theo Giấy ủy quyền ngày 10/7/2018). Có mặt.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Bích TR**, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Tổ 5, ấp MK, xã MH, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

1. Ông **Cao Lê Thanh TU**, sinh năm: 1973. (chồng bà N)

Địa chỉ: Tổ 4, ấp Mỹ Khánh 1, xã MH, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của ông TU: Ông **Lê Văn T**, sinh năm: 1988. Địa chỉ: Tổ 4, ấp Mỹ Phước 2, xã Mỹ Hòa, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

2. Ông **Nguyễn Thanh H**, sinh năm: 1982. (chồng bà TR)

Địa chỉ: Tổ 5, ấp MK, xã MH, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt.

Người đại diện ủy quyền của ông H: Bà **Nguyễn Thị Bích TR**, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Tổ 5, ấp MK, xã MH, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 19/9/2018).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện đề ngày 12/7/2018 và qua quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Trần Thị Kim N trình bày: Trước đây bà Nguyễn Thị Bích TR có thiếu bà số tiền 110.000.000 đồng, bà có đến nhà bà TR đòi nhiều lần thì bà TR hứa sẽ trả cho bà mỗi tháng 2.000.000 đồng, trả được 06 tháng, từ ngày 30/8/2017 đến ngày 30/01/2018 thì bà TR đã trả cho bà được 12.000.000 đồng. Hiện tại bà TR còn thiếu bà 98.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu buộc bà TR cùng liên đới với ông H trả cho bà số tiền 98.000.000 đồng.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn ông Lê Văn T trình bày: Bà N có cho bà TR mượn nhiều lần với số tiền 110.000.000 đồng, bà N có đòi nhiều lần nên bà TR đã trả được 12.000.000 đồng, nên còn nợ lại bà N số tiền 98.000.000 đồng. Nay bà N yêu cầu bà TR cùng liên đới với ông Nguyễn Thanh H cùng liên đới trả cho bà N số tiền 98.000.000 đồng, chia làm 04 lần trả và trả trong 01 năm.

* Bà TR trình bày: Bà có thiếu nợ bà N với số tiền 110.000.000 đồng, nhưng bà đã trả được 12.000.000 đồng, nay chỉ còn thiếu 98.000.000 đồng, bà xin được trả nhiều lần cho bà N. Cụ thể, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng/tháng, cho đến khi trả dứt nợ. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, 02 con còn đang đi

học, cha già yếu bệnh đau, bà và chồng bà là ông H cũng bị bệnh, phải uống thuốc thường xuyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung:

Theo Đơn khởi kiện của nguyên đơn và lời trình bày của người đại diện ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Văn T, cùng với các chứng cứ trong hồ sơ thể hiện, bị đơn Nguyễn Thị Bích TR có mượn tiền của bà N nhiều lần với tổng số tiền 110.000.000 đồng, nhưng bà TR đã trả được 12.000.000 đồng, nên hiện nay bà TR còn thiếu bà N số tiền 98.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Nguyễn Thị Bích TR cũng thừa nhận là còn thiếu bà N số tiền 98.000.000 đồng, số tiền bà mượn là để làm ăn lo kinh tế cho gia đình, bà đồng ý trả cho bà N, nhưng trả nhiều lần cho đến khi trả dứt nợ.

Từ đó cho thấy, việc bà TR thiếu tiền bà N với số tiền 98.000.000 đồng là có trên thực tế. Nên xét yêu cầu của bà Trần Thị Kim N về việc yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Bích TR liên đới với chồng bà là ông Nguyễn Thanh H cùng trả số tiền 98.000.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

Tuy nhiên, xét việc bà N yêu cầu bà TR phải trả số tiền 98.000.000 đồng 04 lần trong 01 năm cho bà là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Nguyễn Thị Bích TR liên đới với ông Nguyễn Thanh H phải nộp theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do hoàn cảnh gia đình của ông bà khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương nên Hội đồng xét xử thống nhất giảm 50% tiền án phí cho bà TR, ông H.

- Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Kim N tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 6 Điều 15, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

2. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim N.

Buộc bà Nguyễn Thị Bích TR liên đới với ông Nguyễn Thanh H trả số tiền 98.000.000 đồng (chín mươi tám triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị Kim N.

Không chấp nhận yêu cầu của bà N về việc buộc bà TR liên đới với ông H phải trả số tiền 98.000.000 đồng chia làm 04 lần trong 01 năm.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn thi hành án nếu người phải thi hành án chưa trả đủ số tiền nêu trên thì phải chịu trả lãi theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Bích TR cùng ông Nguyễn Thanh H phải nộp 2.450.000 đồng (hai triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

- Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Kim N số tiền tạm ứng 2.450.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009250, ngày 27/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các đương sự biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL: 01;
- VKSND TXBM: 01;
- Chi cục THADS TXBM: 01;
- Đương sự: 04;
- Lưu: 04

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Khắc Toàn